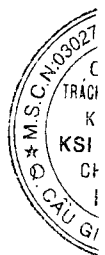


BẢN SAO

**CÔNG TY CỔ XÂY DỰNG VÀ PHỤC CHẾ
CÔNG TRÌNH VĂN HÓA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	6-23
Bảng Cân đối Kế toán	6
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	10
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	11
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	13-23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Phục chế Công trình Văn hóa (sau đây gọi là Công ty) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo Tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phục chế Công trình Văn hóa là doanh nghiệp được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Xây dựng và Phục chế Công trình Văn hóa theo Quyết định số 748/QĐ-UB ngày 02/02/2005 của UBND Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103007842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 05 năm 2005 và thay đổi lần 3 ngày 19 tháng 7 năm 2011.

Ngành nghề kinh doanh:

- Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với trình xây dựng, công trình văn hóa;
- Tư vấn về quản lý xây dựng dự án, đấu thầu, hợp đồng kinh tế, thi công trong lĩnh vực xây dựng và công trình văn hóa, lập dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng, mỹ thuật quảng cáo;
- Giám sát thi công công trình;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp (thuộc nhóm B và C); trùng tu phục chế công trình văn hóa, xây dựng công trình tượng đài, tranh hoành tráng, tranh nghệ thuật, tranh lịch sử;
- Xây dựng công trình hạ tầng, cấp thoát nước, giao thông đường bộ và trang trí nội, ngoại thất;
- Sản xuất, lắp đặt các kết cấu thép, nhà xưởng; Khảo sát thi công lập dự án đầu tư;
- Đầu tư kinh doanh nhà, văn phòng cho thuê, xuất nhập khẩu hàng thủ công mỹ nghệ, đào tạo ngành nghề truyền thống;
- Xúc tiến thương mại;
- Tu bổ, tôn tạo, phục chế công trình văn hóa, công trình kiến trúc, di tích lịch sử, di tích cách mạng;
- Thi công trưng bày nội, ngoại thất các công trình văn hóa, di tích lịch sử, di tích cách mạng;
- Thiết kế kiến trúc công trình./.

Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2014: **4.045.000.000 VND**

Trụ sở Công ty: 27 - Thái Thịnh - Đống Đa - Hà Nội

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập Báo cáo Tài chính

Không có các sự kiện trọng yếu nào diễn ra sau ngày khoá sổ lập Báo cáo Tài chính đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo Tài chính.

Ban lãnh đạo Công ty

Các thành viên Ban lãnh đạo Công ty trong kỳ kế toán và tại thời điểm lập Báo cáo Tài chính gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Hội đồng quản trị		
Ông Nguyễn Xuân Trường	Chủ tịch	
Ông Mai Công Quyền	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Hải	Thành viên	
Ông Bùi Khắc Mùi	Thành viên	
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên	
Ban Giám đốc		
Ông Bùi Khắc Mùi	Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó Giám đốc	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán KSI Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

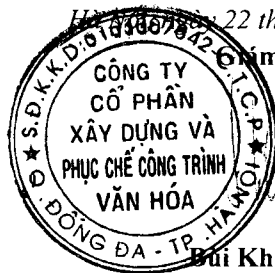
Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo Tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo Tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo Tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo Tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo Tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo Tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo Tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo Tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2015
Ban giám đốc

Đài Khắc Mùi

Số: 14.108/2015/BCKT-TC/KSIHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phục chế Công trình Văn hóa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo Tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phục chế Công trình Văn hóa được lập gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được trình bày từ trang 6 đến trang 23 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

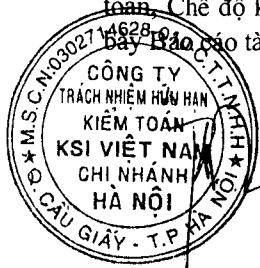
Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

i) Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho và không thu thập được đầy đủ các biên bản đối chiếu xác nhận công nợ phải thu, công nợ phải trả. Bằng các thủ tục thay thế chúng tôi cũng không khẳng định được về mặt giá trị và tính hiện hữu của các khoản mục này.

ii) Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ hồ sơ chi phí, các biên bản xác nhận khối lượng của các công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành, do đó chúng tôi không đưa ý kiến của mình về tính đầy đủ của các khoản mục có liên quan.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phục chế Công trình Văn hóa tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Trung Thành

Phó Giám Đốc

Giấy Đăng ký hành nghề số: 1312-2014-046-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán KSi Việt Nam - CN Hà Nội

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2015

Bùi Đình Đạt

Kiểm toán viên

Giấy Đăng ký hành nghề số: 2471-2014-046-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A Tài sản ngắn hạn	100		95.187.734.718	133.886.282.230
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	52.150.836	8.028.043.320
1 Tiền	111		52.150.836	7.028.043.320
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	1.000.000.000
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	4.200.000.000	4.269.463.020
1 Đầu tư ngắn hạn	121		4.200.000.000	4.269.463.020
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.205.087.683	17.500.767.451
1 Phải thu của khách hàng	131		11.226.316.537	6.609.406.011
2 Trả trước cho người bán	132		4.444.570.109	9.936.377.797
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5 Các khoản phải thu khác	135	V.3	1.534.201.037	954.983.643
6 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV Hàng tồn kho	140		72.927.401.668	101.742.693.945
1 Hàng tồn kho	141	V.4	72.927.401.668	101.742.693.945
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		803.094.531	2.345.314.494
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.5	40.670.181	1.552.545.494
3 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
4 Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5 Tài sản ngắn hạn khác	158		762.424.350	792.769.000
B Tài sản dài hạn	200		4.136.217.621	5.314.837.674
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
2 Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
3 Phải thu dài hạn khác	218		-	-
4 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II Tài sản cố định	220		3.183.556.586	3.279.075.928
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	1.141.210.092	1.276.915.798
- Nguyên giá	222		3.497.183.890	3.497.183.890
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2.355.973.798)	(2.220.268.092)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3 Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	2.042.346.494	2.002.160.130
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3 Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		952.661.035	2.035.761.746
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	952.661.035	2.035.761.746
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3 Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		99.323.952.339	139.201.119.904

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A Nợ phải trả	300		89.616.923.408	132.150.437.026
I Nợ ngắn hạn	310		89.616.923.408	132.150.437.026
1 Vay và nợ ngắn hạn	311		1.783.370.720	-
2 Phải trả cho người bán	312		60.456.927.541	54.742.865.685
3 Người mua trả tiền trước	313		16.372.707.215	70.481.116.317
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	4.003.364.674	508.764.628
5 Phải trả người lao động	315		931.406.733	-
6 Chi phí phải trả	316		2.053.555.593	-
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.10	4.015.590.932	6.417.690.396
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11 Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		-	-
12 Giao dịch mua bán lại trái phiếu CP	327		-	-
II Nợ dài hạn	330		-	-
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2 Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3 Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4 Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9 Quỹ phát triển khoa học và Công nghệ	339		-	-
B Nguồn vốn chủ sở hữu	400		9.707.028.931	7.050.682.878
I Vốn chủ sở hữu	410	V.11	9.707.028.931	7.050.682.878
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		4.045.000.000	4.045.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3 Vốn khác của CSH	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		976.348.017	866.061.283
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		490.355.509	435.212.142
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.195.325.405	1.704.409.453
11 Nguồn vốn ĐTXDCB	421		-	-
12 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1 Nguồn kinh phí	432		-	-
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		99.323.952.339	139.201.119.904

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
- EUR		-	-
- USD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kê toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Linh

Bùi Khắc Mùi

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	140.634.351.593	126.170.954.137
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.2	7.375.700.709	4.763.422.727
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	133.258.650.884	121.407.531.410
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	124.073.556.729	116.527.564.554
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.185.094.155	4.879.966.856
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	629.601.029	1.530.746.625
7. Chi phí tài chính	22		10.838.116	1.073.737
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.282.372.325	4.974.962.117
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.521.484.743	1.434.677.627
11. Thu nhập khác	31		-	52.364.373
12. Chi phí khác	32		70.742.544	-
13. Lợi nhuận khác	40		(70.742.544)	52.364.373
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.450.742.199	1.487.042.000
15. Chi phí thuế TN hiện hành	51	VI.6	980.802.779	384.174.663
16. Chi phí thuế TN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.469.939.420	1.102.867.337
18. Lãi cơ bản trên vốn chủ sở hữu			85.783	27.265

CHUNG THỰC BẢN SẠO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 01/2015/CT-PT/RS
(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 23 của Bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

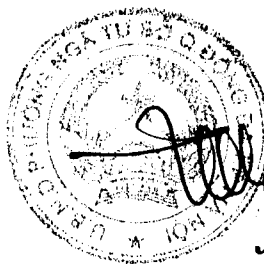
Ngày: 04-01-2017

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TM.UBND PHƯỜNG



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Hồng Linh
Ngô Văn Sơn



Bùi Khắc Mùi

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		97.814.539.626	139.921.913.993
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(99.594.961.715)	(138.228.306.287)
3. Tiền chi trả cho người lao động		(2.693.383.298)	(2.953.995.387)
4. Tiền chi trả lãi vay		(10.838.116)	(1.073.737)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(358.918.084)	(364.173.630)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.037.859.016	1.268.185.208
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.473.156.818)	(5.745.373.053)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(10.278.859.389)	(6.102.822.893)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(40.186.364)	(13.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	18.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(11.564.000.000)	(4.269.463.020)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		11.633.463.020	64.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		490.319.529	1.530.746.625
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		519.596.185	(2.669.716.395)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.783.370.720	173.096.093
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(173.096.093)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(991.025.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.783.370.720	(991.025.000)

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(7.975.892.484)	(9.763.564.288)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		8.028.043.320	17.791.607.608
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		52.150.836	8.028.043.320

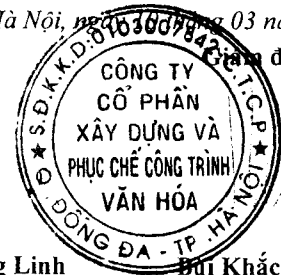
(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Linh

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2014



Bùi Khắc Mùi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phục chế Công trình Văn hóa là doanh nghiệp được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Xây dựng và Phục chế Công trình Văn hóa theo Quyết định số 748/QĐ-UB ngày 02/02/2005 của UBND Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103007842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 05 năm 2005 và thay đổi lần 3 ngày 19 tháng 7 năm 2011.

Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2014: 4.045.000.000 VND

2 Ngành nghề kinh doanh:

- Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với trình xây dựng, công trình văn hóa;
- Tư vấn về quản lý xây dựng dự án, đấu thầu, hợp đồng kinh tế, thi công trong lĩnh vực xây dựng và công trình văn hóa, lập dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng, mỹ thuật quảng cáo;
- Giám sát thi công công trình;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp (thuộc nhóm B và C); trùng tu phục chế công trình văn hóa, xây dựng công trình tượng đài, tranh hoành tráng, tranh nghệ thuật, tranh lịch sử;
- Xây dựng công trình hạ tầng, cấp thoát nước, giao thông đường bộ và trang trí nội, ngoại thất;
- Sản xuất, lắp đặt các kết cấu thép, nhà xưởng; Khảo sát thi công lập dự án đầu tư;
- Đầu tư kinh doanh nhà, văn phòng cho thuê, xuất nhập khẩu hàng thủ công mỹ nghệ, đào tạo ngành nghề truyền thống;
- Xúc tiến thương mại;
- Tu bổ, tôn tạo, phục chế công trình văn hóa, công trình kiến trúc, di tích lịch sử, di tích cách mạng;
- Thi công trung bày nội, ngoại thất các công trình văn hóa, di tích lịch sử, di tích cách mạng;
- Thiết kế kiến trúc công trình./.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn do Nhà nước ban hành. Các Báo cáo Tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định tại các chuẩn mực, thông tư hướng dẫn chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1 Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển:

1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

2.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Giá trị nguyên vật liệu tồn kho xác định theo phương pháp giá đích danh.

2.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3 Ghi nhận nguyên giá và hao mòn tài sản cố định:

3.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

3.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	: 06-50 năm
- Máy móc, thiết bị	: 03-20 năm
- Phương tiện vận tải	: 06-30 năm
- Thiết bị văn phòng	: 03-10 năm

4 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

5 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

6 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

7 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

7.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

7.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

7.3 Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được xác định theo khối lượng thực hiện đã được xác nhận của chủ đầu tư.

7.4 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;*
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.*

8 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng theo phương pháp công nợ cho sự chênh lệch tạm thời giữa giá trị tính thuế của tài sản và nợ phải trả với giá trị sổ sách ghi trên Báo cáo Tài chính. Tuy nhiên, thuế thu nhập hoãn lại không được tính khi nó phát sinh từ sự ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sát nhập doanh nghiệp mà giao dịch đó không có ảnh hưởng đến lợi nhuận/lỗ kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất của niên độ phát sinh các chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHỤC CHẾ CÔNG TRÌNH VĂN HÓA

27 - Thái Thịnh - Đống Đa - Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đơn vị tính: VND

V.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	38.779.674	512.921.086
Tiền gửi ngân hàng	13.371.162	6.515.122.234
Tiền VND gửi ngân hàng	13.371.162	6.515.122.234
Sở giao dịch 1 - NH Công Thương Việt Nam	8.807.622	830.051.545
NH Thương mại cổ phần Bảo Việt	1.960.020	5.682.660.561
NH Nông nghiệp & PTNT VN - CN Thanh Xuân	1.660.788	2.410.128
NH TMCP Quân Đội - CN Điện Biên Phủ	942.732	-
Tiền USD gửi ngân hàng	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	1.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	-	1.000.000.000
Cộng	<u>52.150.836</u>	<u>8.028.043.320</u>

V.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	4.200.000.000	4.269.463.020
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Cộng	<u>4.200.000.000</u>	<u>4.269.463.020</u>

(*) Đây là khoản tiền gửi tại NH TMCP Bảo Việt có kỳ hạn trên 3 tháng.

V.3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu người lao động	-	-
Cổ tức tạm phân phối	-	-
Phải thu khác	1.534.201.037	954.983.643
Cộng	<u>1.534.201.037</u>	<u>954.983.643</u>

V.4 Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	-	-
Công cụ, dụng cụ	39.091.492	39.091.492
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	72.888.310.176	101.703.602.453
Thành phẩm	-	-
Hàng hoá	-	-
Hàng gửi bán	-	-
Cộng	<u>72.927.401.668</u>	<u>101.742.693.945</u>

V.5 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT được khấu trừ	40.670.181	1.552.545.494
Các khoản thuế nộp thừa khác	-	-
Cộng	<u>40.670.181</u>	<u>1.552.545.494</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHỤC CHẾ CÔNG TRÌNH VĂN HÓA

27 - Thái Thịnh - Đống Đa - Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

V.6 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.809.062.700	232.250.954	1.386.459.693	69.410.543	-	3.497.183.890
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- <i>Mua trong năm</i>	-	-	-	-	-	-
- <i>Đầu tư XD/CB hoàn thành</i>	-	-	-	-	-	-
- <i>Tặng khác</i>	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- <i>Chuyển sang BĐS đầu tư</i>	-	-	-	-	-	-
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-	-	-
- <i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.809.062.700	232.250.954	1.386.459.693	69.410.543	-	3.497.183.890
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.516.958.494	232.250.954	413.870.324	57.188.320	-	2.220.268.092
Số tăng trong năm	43.952.002	-	91.753.704	-	-	135.705.706
- <i>Khấu hao trong năm</i>	43.952.002	-	91.753.704	-	-	135.705.706
- <i>Tặng khác</i>	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- <i>Chuyển sang BĐS đầu tư</i>	-	-	-	-	-	-
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-	-	-
- <i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.560.910.496	232.250.954	505.624.028	57.188.320	-	2.355.973.798
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	292.104.206	-	972.589.369	12.222.223	-	1.276.915.798
Tại ngày cuối năm	248.152.204	-	880.835.665	12.222.223	-	1.141.210.092

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: Không

- VND

- VND

- VND

P

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHỤC CHẾ CÔNG TRÌNH VĂN HÓA

27 - Thái Thịnh - Đống Đa - Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

V.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khu nhà Xuân La - Tây Hồ	2.042.346.494	2.002.160.130
Khác	-	-
Tổng cộng	<u>2.042.346.494</u>	<u>2.002.160.130</u>

V.8 Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí chờ phân bổ - Dự án Xây dựng 27 Thái Thịnh	667.486.335	1.347.237.419
Chi phí CCDC chờ phân bổ	117.112.355	117.112.355
Lợi thế thương mại (*)	168.062.345	571.411.972
Cộng	<u>952.661.035</u>	<u>2.035.761.746</u>

(*): Lợi thế thương mại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp có giá trị 1.698.314.220 đồng. Năm 2005 Công ty ghi nhận là TSCĐ vô hình và thực hiện trích khấu hao trong 20 năm. Đến thời điểm tháng 10 năm 2012 giá trị còn lại là 1.075.599.006 đồng được Công ty ghi nhận vào chi phí trả trước và phân bổ giá trị còn lại trong 32 tháng (mỗi tháng phân bổ 33.612.469 đồng) theo hướng dẫn tại Thông tư 138/2012/TT-BTC ngày 20 tháng 08 năm 2012.

V.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng	2.803.745.556	163.353.246
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.102.391.458	206.038.943
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	97.227.660	139.372.439
Cộng	<u>4.003.364.674</u>	<u>508.764.628</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

V.10 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	45.727.705	46.558.705
Bảo hiểm xã hội	-	-
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	-
Công ty CP ĐTXD PT nhà HN số 52	-	5.000.000.000
Công ty CP Tu tạo và PT nhà Hà Nội	1.056.361.000	929.361.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.913.502.227	441.770.691
Cộng	<u>4.015.590.932</u>	<u>6.417.690.396</u>

VI Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh

VI.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng	-	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	835.668.179	936.722.556
Doanh thu hợp đồng xây dựng	139.798.683.414	125.234.231.581
Doanh thu khác	-	-
Cộng	<u>140.634.351.593</u>	<u>126.170.954.137</u>

VI.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giảm doanh thu xây lắp	7.375.700.709	4.763.422.727
Cộng	<u>7.375.700.709</u>	<u>4.763.422.727</u>

VI.3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu thuần sản phẩm , hàng hoá	-	-
Doanh thu thuần dịch vụ	835.668.179	936.722.556
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	132.422.982.705	120.470.808.854
Cộng	<u>133.258.650.884</u>	<u>121.407.531.410</u>

VI.4 Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
Giá vốn hợp đồng xây dựng	124.073.556.729	116.527.564.554
Cộng	<u>124.073.556.729</u>	<u>116.527.564.554</u>

VI.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	629.601.029	1.530.746.625
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	<u>629.601.029</u>	<u>1.530.746.625</u>

VI.6 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chỉ tiêu		Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán năm	[1]	4.450.742.199	1.487.042.000
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế TNDN	[2]	70.742.544	49.656.653
Bù trừ lỗ từ hoạt động khác	[3]	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	[4]=[1]+[2]+[3]	4.521.484.743	1.536.698.653
Thuế suất thuế TNDN	[5]	22%	25%
Thuế TNDN	[6]=[4]*[5]	994.726.643	384.174.663
Thuế TNDN hoãn lại	[7]	13.923.864	-
Thuế TNDN hiện hành	[8]=[6]-[7]	980.802.779	384.174.663

VI.5 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	21.470.616.479	38.732.593.145
Chi phí nhân công	49.494.194.887	47.378.091.161
Chi phí khấu hao	135.705.706	152.235.788
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.846.488.813	23.607.694.761
Chi phí khác bằng tiền	1.554.644.459	2.652.697.168
Cộng	101.501.650.344	112.523.312.023

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHỤC CHẾ CÔNG TRÌNH VĂN HÓA

27 - Thái Thịnh - Đống Đa - Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

V.11 Vốn Chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	LN chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	4.045.000.000	-	2.602.553.504	699.430.589	351.896.795	7.698.880.888
Tăng trong năm trước	-	-	1.102.867.337	166.630.694	83.315.347	1.352.813.378
Giảm trong năm trước	-	-	2.001.011.388	-	-	2.001.011.388
Số dư cuối năm trước	4.045.000.000	-	1.704.409.453	866.061.283	435.212.142	7.050.682.878
Tăng trong năm nay	-	-	3.469.939.420	110.286.734	55.143.367	3.635.369.521
Tăng khác	-	-	274.467.820	-	-	274.467.820
Giảm trong năm nay	-	-	1.253.491.288	-	-	1.253.491.288
Số dư cuối năm nay	4.045.000.000	-	4.195.325.405	976.348.017	490.355.509	9.707.028.931

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Đầu năm	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	1.213.500.000	30%	1.213.500.000	30%
Vốn góp của các đối tượng khác	2.831.500.000	70%	2.831.500.000	70%
- Do pháp nhân năm giữ	-	-	-	-
- Do thể nhân năm giữ	2.831.500.000	-	2.831.500.000	-
Tổng cộng	4.045.000.000	100,00%	4.045.000.000	100%

- Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm
- Số lượng cổ phiếu quỹ

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	4.045.000.000	4.045.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	4.045.000.000	4.045.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
	606.750.000	1.415.750.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHỤC CHẾ CÔNG TRÌNH VÁN HÓA
27 - Thái Thịnh - Đống Đa - Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.450	40.450
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.450	40.450
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.450	40.450
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.450	40.450
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.450	40.450
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 100.000 đồng/cổ phiếu	-	-

e) Phân phối lợi nhuận trong năm

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thực hiện trong năm	3.469.939.420	1.102.867.337
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	1.704.409.453	2.602.553.504
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trong năm	274.467.820	-
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trong năm	-	-
Lợi nhuận đã phân phối trong năm	1.253.491.288	2.001.011.388
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	606.750.000	1.415.750.000
Chi trả thù lao Hội đồng quản trị	151.700.000	252.000.000
Truy thu theo Quyết toán thuế	274.467.820	-
Quỹ Đầu tư phát triển	110.286.734	166.630.694
Quỹ Dự phòng Tài chính	55.143.367	83.315.347
Quỹ Khen thưởng phúc lợi	55.143.367	83.315.347
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối đến cuối năm	4.195.325.405	1.704.409.453

(Handwritten mark)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHỤC CHẾ CÔNG TRÌNH VĂN HÓA

27 - Thái Thịnh - Đống Đa - Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

VII. Những thông tin khác

VII.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo Tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo Tài chính.

VII.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được trình bày trên Báo cáo Tài chính là các số liệu trên Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Số liệu này đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán KSi Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Linh



Bùi Khắc Mùi

BẢN SAO

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHỤC CHÈ
CÔNG TRÌNH VĂN HÓA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
cùng với báo cáo của kiểm toán viên*

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-32
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Phục chế Công trình Văn hóa (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phục chế Công trình Văn hóa là doanh nghiệp được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Xây dựng và Phục chế Công trình Văn hóa theo Quyết định số 748/QĐ-UB ngày 02/02/2005 của UBND Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103007842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 17/05/2005 và thay đổi lần 2 ngày 16/11/2015.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: 27 - Thái Thịnh - Đống Đa - Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Tường	Chủ tịch
Ông Mai Công Quyền	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Hải	Ủy viên
Ông Bùi Khắc Mùi	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Cường	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Khắc Mùi	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Tường	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán KSi Việt Nam đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHỤC CHẾ CÔNG TRÌNH VĂN HÓA

27 - Thái Thịnh - Đống Đa - Hà Nội

- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Bùi Khắc Mùi

Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2016

Số: 15.174/2015/BCKT.TC-KSIHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phục chế Công trình Văn hóa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phục chế Công trình Văn hóa (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15 tháng 04 năm 2016, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phục chế Công trình Văn hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán KSi Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội



Đỗ Khắc Tiên

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1150-2014-046-1

Nguyễn Trung Thành

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1312-2014-046-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		84.437.517.129	95.187.734.718
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	14.423.405.384	52.150.836
1. Tiền	111		14.423.405.384	52.150.836
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	4.200.000.000	4.200.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.200.000.000	4.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.000.191.540	17.967.512.033
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	30.249.302.463	11.226.316.537
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	4.190.701.751	4.444.570.109
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	2.560.187.326	2.296.625.387
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	28.811.920.205	72.927.401.668
1. Hàng tồn kho	141		28.811.920.205	72.927.401.668
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.000.000	40.670.181
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	40.670.181
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	2.000.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.142.443.430	4.136.217.621
II. Tài sản cố định	220		1.009.561.086	1.141.210.092
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	1.009.561.086	1.141.210.092
- Nguyên giá	222		3.461.106.680	3.497.183.890
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.451.545.594)	(2.355.973.798)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.206.606.744	2.042.346.494
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.206.606.744	2.042.346.494
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.926.275.600	952.661.035
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	1.926.275.600	952.661.035
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		89.579.960.559	99.323.952.339

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		72.290.509.902	89.616.923.408
I. Nợ ngắn hạn	310		72.290.509.902	89.616.923.408
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	51.253.516.924	60.456.927.541
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	12.085.139.760	16.372.707.215
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	2.389.458.770	4.003.364.674
4. Phải trả người lao động	314		-	931.406.733
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	3.000.416.135	2.053.555.593
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	3.471.367.994	4.015.590.932
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	1.783.370.720
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		90.610.319	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		17.289.450.657	9.707.028.931
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	17.289.450.657	9.707.028.931
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12.101.250.000	4.045.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.101.250.000	4.045.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.003.761.364	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.813.697.468	1.466.703.526
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.370.741.825	4.195.325.405
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ trước	421a		725.385.985	725.385.985
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ này	421b		645.355.840	3.469.939.420
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		89.579.960.559	99.323.952.339

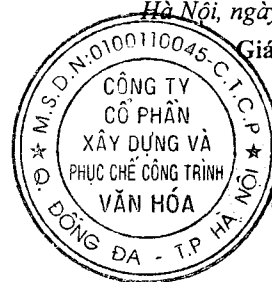
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2016

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Linh



Giám đốc

Bùi Khắc Mùi

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

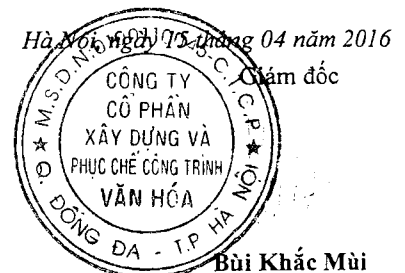
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	95.339.005.995	140.634.351.593
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	1.784.862.220	7.375.700.709
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		93.554.143.775	133.258.650.884
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	89.126.861.768	124.073.556.729
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.427.282.007	9.185.094.155
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	364.030.774	629.601.029
7. Chi phí tài chính	22	6.5	160.572.291	10.838.116
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		160.572.291	10.838.116
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		3.781.545.537	5.282.372.325
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		849.194.953	4.521.484.743
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		12.264.223	70.742.544
13. Lợi nhuận khác	40		(12.264.223)	(70.742.544)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		836.930.730	4.450.742.199
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.6	191.574.890	980.802.779
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		645.355.840	3.469.939.420
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	1.562	7.721
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	6.8	1.562	7.721

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Linh



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		77.096.756.157	97.814.539.626
1. thu khác				
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(72.287.169.246)	(99.594.961.715)
2. vụ				
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.220.095.761)	(2.693.383.298)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(140.127.880)	(10.838.116)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.149.958.134)	(358.918.084)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.757.479.683	1.037.859.016
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(534.838.410)	(6.473.156.818)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.522.046.409	(10.278.859.389)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(154.149.000)	(40.186.364)
1. các tài sản dài hạn khác				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.200.000.000)	(11.564.000.000)
3. khác				
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.200.000.000	11.633.463.020
4. đơn vị khác				
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		368.777.575	490.319.529
7. chia				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		214.628.575	519.596.185
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		8.417.950.284	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		2.200.000.000	1.783.370.720
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.983.370.720)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		8.634.579.564	1.783.370.720
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		14.371.254.548	(7.975.892.484)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		52.150.836	8.028.043.320
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm			14.423.405.384	52.150.836

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

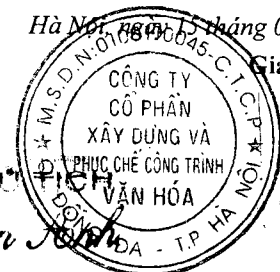
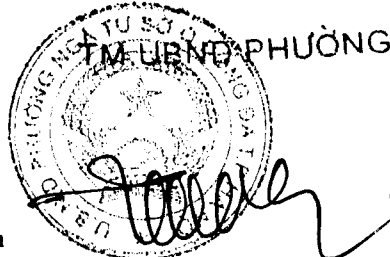
Ngày: 04-01-2017

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2017

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Chữ ký)



Nguyễn Thị Hồng Linh

Bùi Khắc Mùi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phục chế Công trình Văn hóa là doanh nghiệp được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Xây dựng và Phục chế Công trình Văn hóa theo Quyết định số 748/QĐ-UB ngày 02/02/2005 của UBND Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103007842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 17/05/2005 và thay đổi lần 2 ngày 16/11/2015.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: 27 - Thái Thịnh - Đống Đa - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 6.067.500.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 12.101.250.000 đồng; tương đương 1.210.125 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh: Thiết kế, thi công xây lắp, trùng tu các công trình văn hóa

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với trình xây dựng, công trình văn hóa;
- Tư vấn về quản lý xây dựng dự án, đấu thầu, hợp đồng kinh tế, thi công trong lĩnh vực xây dựng và công trình văn hóa, lập dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng, mỹ thuật quảng cáo;
- Giám sát thi công công trình;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp (thuộc nhóm B và C); trùng tu phục chế công trình văn hóa, xây dựng công trình tượng đài, tranh hoành tráng, tranh nghệ thuật, tranh lịch sử;
- Xây dựng công trình hạ tầng, cấp thoát nước, giao thông đường bộ và trang trí nội, ngoại thất;
- Sản xuất, lắp đặt các kết cấu thép, nhà xưởng; Khảo sát thi công lập dự án đầu tư;
- Đầu tư kinh doanh nhà, văn phòng cho thuê, xuất nhập khẩu hàng thủ công mỹ nghệ, đào tạo ngành nghề truyền thống;
- Xúc tiến thương mại;
- Tu bổ, tôn tạo, phục chế công trình văn hóa, công trình kiến trúc, di tích lịch sử, di tích cách mạng;
- Thi công trưng bày nội, ngoại thất các công trình văn hóa, di tích lịch sử, di tích cách mạng;
- Thiết kế kiến trúc công trình./

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Số lượng nhân viên: Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 31 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 53 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 - Trình bày báo cáo tài chính, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan.

Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP MỚI BAN HÀNH

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

4. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1 Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu*****Tài sản tài chính***

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền..

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

4.6 Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 30 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |

- Tài sản cố định khác

03 - 05 năm

4.7 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

4.12 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được xác định theo khối lượng thực hiện đã được xác nhận của chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong kỳ và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

4.14 Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.15 Các khoản thuế

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực).

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.827.685.591	38.779.674
Tiền gửi ngân hàng	12.595.719.793	13.371.162
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
	14.423.405.384	52.150.836

5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	4.200.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	4.200.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000
	4.200.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000

Chi tiết các khoản tiền gửi có kỳ hạn:

- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính
 - + Hợp đồng số: 11.05.2015/BVB-CTVH, ngày 11/05/2015, kỳ hạn 4 tháng, số tiền gửi 2.400.000.000đ, lãi suất 5,3%/năm
 - + Hợp đồng số: 24.12.2015/BVB-CTVH, ngày 24/12/2015, kỳ hạn 6 tháng, số tiền gửi 1.000.000.000đ, lãi suất 5,7%/năm
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ
 - + Hợp đồng số: 12.15.062.294524.TG, ngày 20/03/2015, kỳ hạn 3 tháng, số tiền gửi 800.000.000đ, lãi suất 4,5%/năm

5.3 Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	30.249.302.463	11.226.316.537
- Ban đầu tư và XD hạ tầng kỹ thuật chung	4.774.342.714	4.210.227.611
- BQLDA Công trình xây dựng cơ bản Tỉnh Trà Vinh	4.672.461.000	-
- Sở Văn hóa thể thao và du lịch Tỉnh Bến Tre	11.797.305.300	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	9.005.193.449	7.016.088.926
- Các khoản phải thu khách hàng là các bên liên quan	-	-
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
	30.249.302.463	11.226.316.537

5.4 Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	VND		VND	
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.190.701.751		4.444.570.109	
- Trịnh Văn Vụ	1.410.316.637		321.414.853	
- Đỗ Nguyễn Bốn	2.355.260.857		1.948.210.857	
- Các khoản trả trước cho người bán khác	425.124.257		2.174.944.399	
- Các khoản trả trước cho người bán là các bên liên quan	-		-	
b) Trả trước cho người bán dài hạn	-		-	
	4.190.701.751		4.444.570.109	

5.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.560.187.326	-	2.296.625.387	-
Tạm ứng	721.500.000	-	714.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	59.980.833	-	48.424.350	-
Phải thu về tiền cho các chủ nhiệm công trình vay	1.778.175.640	-	1.533.538.832	-
Phải thu khác	530.853	-	662.205	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
	2.560.187.326	-	2.296.625.387	-

5.6 HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	-	-	39.091.492	-
Chi phí SXKD dở dang	28.811.920.205	-	72.888.310.176	-
	28.811.920.205	-	72.927.401.668	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHỤC CHẾ CÔNG TRÌNH VĂN HÓA

27 - Thái Thịnh - Đống Đa - Hà Nội

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

5.7 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.809.062.700	232.250.954	1.386.459.693	69.410.543	-	3.497.183.890
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	(36.077.210)	-	(36.077.210)
Số dư cuối năm	1.809.062.700	232.250.954	1.386.459.693	33.333.333	-	3.461.106.680
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.560.910.496	232.250.954	505.624.028	57.188.320	-	2.355.973.798
- Khấu hao trong kỳ	27.673.078	-	91.753.705	12.222.223	-	131.649.006
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	(36.077.210)	-	(36.077.210)
Số dư cuối năm	1.588.583.574	232.250.954	597.377.733	33.333.333	-	2.451.545.594
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	248.152.204	-	880.835.665	12.222.223	-	1.141.210.092
Tại ngày cuối năm	220.479.126	-	789.081.960	-	-	1.009.561.086

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý:
- Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:
- Các thay đổi khác về tài sản cố định hữu hình:

1.469.584.192 VND

5.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	1.926.275.600	952.661.035
Chi phí chờ phân bổ - Dự án Xây dựng 27 Thái Thịnh	1.809.163.245	667.486.335
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	117.112.355	117.112.355
Lợi thế thương mại (*)	-	168.062.345
	1.926.275.600	952.661.035

(*): Lợi thế thương mại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp có giá trị 1.698.314.220 đồng. Năm 2005 Công ty ghi nhận là TSCĐ vô hình và thực hiện trích khấu hao trong 20 năm. Đến thời điểm tháng 10 năm 2012 giá trị còn lại là 1.075.599.006 đồng được Công ty ghi nhận vào chi phí trả trước và phân bổ giá trị còn lại trong 32 tháng (mỗi tháng phân bổ 33.612.469 đồng) theo hướng dẫn tại Thông tư 138/2012/TT-BTC ngày 20 tháng 08 năm 2012.

5.9 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	51.253.516.924	51.253.516.924	60.456.927.541	60.456.927.541
Lại Ngọc Hương	3.998.902.576	3.998.902.576	-	-
Nguyễn Chính	9.598.810.132	9.598.810.132	5.766.051.205	5.766.051.205
Nguyễn Lương	2.907.432.859	2.907.432.859	10.222.942.411	10.222.942.411
Nguyễn Quang Huy	3.130.830.834	3.130.830.834	756.216.275	756.216.275
Nguyễn Văn Việt	611.886.714	611.886.714	478.020.894	478.020.894
Nguyễn Văn Đoàn	759.845.947	759.845.947	2.094.606.228	2.094.606.228
Nguyễn Đức Tuyên	2.279.328.722	2.279.328.722	-	-
Phạm Thị Cảnh	750.792.230	750.792.230	750.792.230	750.792.230
Thái Duy Biên	2.034.182.740	2.034.182.740	2.034.182.740	2.034.182.740
Trương Khắc Hiếu	6.072.402.146	6.072.402.146	7.367.600.515	7.367.600.515
Trần Mạnh Hào	4.589.953.114	4.589.953.114	12.132.144.167	12.132.144.167
Trần Tấn Triệu	1.680.906.858	1.680.906.858	2.403.906.858	2.403.906.858
Trần Văn Khanh	6.138.840.987	6.138.840.987	6.138.840.987	6.138.840.987
Trịnh Tiến Mạnh	699.570.599	699.570.599	22.936.599	22.936.599
Đình Thị Hoa	3.531.260.025	3.531.260.025	3.821.124.598	3.821.124.598
Phải trả các đối tượng khác	2.468.570.441	2.468.570.441	6.467.561.834	6.467.561.834
b) Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
	51.253.516.924	51.253.516.924	60.456.927.541	60.456.927.541

5.10 Người mua trả tiền trước

Số cuối năm	Số đầu năm
-------------	------------

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHỤC CHẾ CÔNG TRÌNH VĂN HÓA
27 - Thái Thịnh - Đống Đa - Hà Nội

Báo cáo tài chính

Mẫu số B 09-DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.085.139.760	16.372.707.215
- Ban Quản lý Dự án huyện Gia Lâm	6.000.000.000	5.900.000.000
- Ban Quản lý Dự án huyện Sóc Sơn	3.460.945.100	-
- Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Hải Dương	-	1.749.268.250
- Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre	-	2.362.748.951
- Các khoản trả trước cho người bán khác	2.624.194.660	6.360.690.014
- Các khoản trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
b) Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-
	<u>12.085.139.760</u>	<u>16.372.707.215</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHỤC CHẾ CÔNG TRÌNH VĂN HÓA

27 - Thái Thịnh - Đống Đa - Hà Nội

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

5.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.803.745.556	4.846.896.449	5.568.208.522	-	2.082.433.483
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.102.391.458	191.574.890	1.149.958.134	-	144.008.214
Thuế Thu nhập cá nhân	-	97.227.660	65.789.413	-	-	163.017.073
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	44.788.160	44.788.160	-	-
Các loại thuế khác	-	-	1.500.000	3.500.000	2.000.000	-
	-	4.003.364.674	5.150.548.912	6.766.454.816	2.000.000	2.389.458.770

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.000.416.135	2.053.555.593
- Chi phí phải trả của CT NHNN&PTNT tỉnh Hòa Bình	150.934.067	-
- Chi phí phải trả của CT NHNN&PTNT tỉnh Thái Nguyên	-	1.442.051.428
- Chi phí phải trả của CT Đốc Phủ Đầu	182.977.492	-
- Chi phí phải trả của CT Nguyễn Khả Trạc	79.939.636	-
- Chi phí phải trả của CT Đình Tú Thị	1.786.120.469	-
- Chi phí phải trả của công trình Chùa Huyền Thuyên	60	113.504.165
- Chi phí phải trả tiền thù lao HDQT, BKS	-	498.000.000
- Chi phí thuê đất tại 27 Thái Thịnh	780.000.000	-
- Chi phí lãi vay	20.444.411	-
b) Dài hạn	-	-
	<u><u>3.000.416.135</u></u>	<u><u>2.053.555.593</u></u>

5.13 PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.471.367.994	4.015.590.932
- Kinh phí công đoàn	41.965.605	45.727.705
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	79.850.792	9.919.872
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.349.551.597	3.959.943.355
b) Dài hạn	-	-
	<u><u>3.471.367.994</u></u>	<u><u>4.015.590.932</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHỤC CHẾ CÔNG TRÌNH VĂN HÓA

27 - Thái Thịnh - Đống Đa - Hà Nội

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

5.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	4.045.000.000	-	1.301.273.425	1.704.409.453	7.050.682.878
Tăng trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	3.469.939.420	3.469.939.420
Phân phối lợi nhuận	-	-	165.430.101	(1.253.491.288)	(1.088.061.187)
Tăng khác	-	-	-	274.467.820	274.467.820
Số dư cuối năm trước	4.045.000.000	-	1.466.703.526	4.195.325.405	9.707.028.931
Số dư đầu năm nay	4.045.000.000	-	1.466.703.526	4.195.325.405	9.707.028.931
Tăng trong năm nay (*)	8.056.250.000	2.003.761.364	-	-	10.060.011.364
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	645.355.840	645.355.840
Phân phối lợi nhuận	-	-	346.993.942	(3.469.939.420)	(3.122.945.478)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	12.101.250.000	2.003.761.364	1.813.697.468	1.370.741.825	17.289.450.657

(*) Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 16/11/2015, vốn điều lệ của Công ty là 6.067.500.000 VNĐ. Đến thời điểm 31/12/2015, vốn thực góp là 12.101.250.000 VNĐ, Công ty đã hoàn tất thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 3 ngày 04/03/2016.

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 26/05/2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	PP lợi nhuận năm 2014 VND	PP lợi nhuận năm 2013 VND
Lợi nhuận thực hiện trong năm	645.355.840	3.469.939.420
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	4.195.325.405	1.704.409.453
Lợi nhuận đã phân phối trong năm	3.469.939.420	979.023.468
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	2.629.250.000	606.750.000
Chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	146.701.536	151.700.000
Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ DPTC	346.993.942	165.430.101
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	346.993.942	55.143.367
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối đến cuối năm	1.370.741.825	4.195.325.405

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Công ty mẹ	-	0,00%	-	0,00%
Vốn góp của các cổ đông khác	12.101.250.000	100,00%	4.045.000.000	100,00%
- Bà Vũ Thị Hậu	918.640.000	7,59%	-	0,00%
- Ông Ngô Hà Minh	858.840.000	7,10%	-	0,00%
- Bà Võ Thị Thu Giang	906.250.000	7,49%	-	0,00%
- Ông Lê Thanh	997.420.000	8,24%	-	0,00%
- Tổng C.ty Đầu tư và Phát triển Nhà HN	2.730.370.000	22,56%	1.213.500.000	30,00%
- Các cổ đông khác	5.689.730.000	47,02%	2.831.500.000	70,00%
	12.101.250.000	100%	4.045.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12.101.250.000	4.045.000.000
- Vốn góp đầu năm	4.045.000.000	4.045.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	8.056.250.000	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	12.101.250.000	4.045.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.469.939.420	1.253.491.288
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	3.469.939.420	606.750.000
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	646.741.288

d) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.210.125	404.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.210.125	404.500
- Cổ phiếu phổ thông	1.210.125	404.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.210.125	404.500
- Cổ phiếu phổ thông	1.210.125	404.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành được điều chỉnh từ 100.000 VND/CP xuống 10.000 VND/CP theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông bất thường lần thứ 1 ngày 28/09/2015

e) Các quỹ công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.813.697.468	1.466.703.526
	1.813.697.468	1.466.703.526

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	807.313.638	835.668.179
Doanh thu hợp đồng xây dựng	94.531.692.357	139.798.683.414
	<u>95.339.005.995</u>	<u>140.634.351.593</u>

6.2 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giảm doanh thu xây lắp	1.784.862.220	7.375.700.709
	<u>1.784.862.220</u>	<u>7.375.700.709</u>

6.3 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	89.126.861.768	124.073.556.729
	<u>89.126.861.768</u>	<u>124.073.556.729</u>

6.4 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	364.030.774	629.601.029
	<u>364.030.774</u>	<u>629.601.029</u>

6.5 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	160.572.291	10.838.116
	<u>160.572.291</u>	<u>10.838.116</u>

6.6 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	836.930.730	4.450.742.199
Các khoản điều chỉnh tăng	33.864.223	70.742.544
- Chi phí không hợp lệ	12.264.223	70.742.544
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	-
- Thù lao HĐQT, BKS không tham gia điều hành	21.600.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	870.794.953	4.521.484.743
Thuế suất thuế TNDN	22,00%	22,00%
Thuế TNDN hoãn lại	-	13.923.864
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	191.574.890	980.802.779

6.7 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	645.355.840	3.469.939.420
Các khoản điều chỉnh	-	(346.993.942)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	-	(346.993.942)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	645.355.840	3.122.945.478
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	413.186	404.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	1.562	7.721

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

(*) Như đã thuyết minh tại mục 5.14, mệnh giá cổ phiếu được thay đổi từ 100.000 VND/ 1 CP xuống 10.000 VND/ 1 CP. Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng được trình bày lại theo sự thay đổi này.

6.8 LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	645.355.840	3.469.939.420
Các khoản điều chỉnh	-	(346.993.942)
- <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	-	(346.993.942)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	645.355.840	3.122.945.478
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	413.186	404.500
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.562	7.721

6.9 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.798.727.216	21.470.616.479
Chi phí nhân công	25.991.223.993	49.494.194.887
Chi phí khấu hao tài sản cố định	131.649.006	135.705.706
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.021.431.601	28.846.488.813
Chi phí khác bằng tiền	1.000.324.447	1.554.644.459
	52.943.356.263	101.501.650.344

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.423.405.384	-	52.150.836	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	32.809.489.789	-	13.522.941.924	-
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	4.200.000.000	-	4.200.000.000	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
	51.432.895.173	-	17.775.092.760	-

	Giá trị số kế toán	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	-	1.783.370.720
Phải trả người bán, phải trả khác	54.724.884.918	64.472.518.473
Chi phí phải trả	3.000.416.135	2.053.555.593
	57.725.301.053	68.309.444.786

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHỤC CHẾ CÔNG TRÌNH VĂN HÓA

27 - Thái Thịnh - Đống Đa - Hà Nội

Báo cáo tài chính

Mẫu số B 09-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.423.405.384	-	-	14.423.405.384
Phải thu khách hàng, phải thu khác	32.809.489.789	-	-	32.809.489.789
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	4.200.000.000	-	-	4.200.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
	51.432.895.173	-	-	51.432.895.173
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.150.836	-	-	52.150.836
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.522.941.924	-	-	13.522.941.924
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	4.200.000.000	-	-	4.200.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
	17.775.092.760	-	-	17.775.092.760

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	54.724.884.918	-	-	54.724.884.918
Chi phí phải trả	3.000.416.135	-	-	3.000.416.135
	<u>57.725.301.053</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>57.725.301.053</u>
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	1.783.370.720	-	-	1.783.370.720
Phải trả người bán, phải trả khác	64.472.518.473	-	-	64.472.518.473
Chi phí phải trả	2.053.555.593	-	-	2.053.555.593
	<u>68.309.444.786</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>68.309.444.786</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

9. NỢ TIỀM TANG VÀ CÁC KHOẢN CAM KẾT

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày trong mục IV của Thuyết minh báo cáo tài chính, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty áp dụng Thông tư số 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về lập và trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại như sau:

	Số đầu năm (Phân loại lại) VND	Số đầu năm (Theo báo cáo trước đây) VND
Bảng cân đối kế toán		
Phải thu khác	2.296.625.387	1.534.201.037
Tài sản ngắn hạn khác	-	762.424.350
Đầu tư ngắn hạn		4.200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)	4.200.000.000	
Quỹ dự phòng tài chính		490.355.509
Quỹ đầu tư phát triển	1.466.703.526	976.348.017

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

7.721

8.578

(Điều chỉnh về phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi và trình bày lại theo mệnh giá cổ phiếu sau khi thay đổi năm 2015)

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2016

Giám đốc

Nguyễn Thị Hồng Linh



Bùi Khắc Mùi

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHỤC CHẾ
CÔNG TRÌNH VĂN HÓA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
cùng với báo cáo của kiểm toán viên*

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-31
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Phục chế Công trình Văn hóa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phục chế Công trình Văn hóa là doanh nghiệp được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Xây dựng và Phục chế Công trình Văn hóa theo Quyết định số 748/QĐ-UB ngày 02/02/2005 của UBND Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103007842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 17/05/2005 và thay đổi lần 3 ngày 04/03/2016.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: 27 - Thái Thịnh - Đống Đa - Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong Năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Tường	Chủ tịch	
Ông Mai Công Quyền	Ủy viên	
Ông Nguyễn Quang Hải	Ủy viên	
Ông Bùi Khắc Mùi	Ủy viên	
Ông Nguyễn Việt Cường	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 24/6/2016
Ông Nguyễn Mạnh Hào	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 24/6/2016

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong Năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Khắc Mùi	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Tường	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán KSi Việt Nam đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong Năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHỤC CHẾ CÔNG TRÌNH VĂN HÓA

27 - Thái Thịnh - Đống Đa - Hà Nội

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho Năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Giám đốc

Bùi Khắc Mùi

Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 2 năm 2017

Số: 16.142/2017/BCKT.TC-KSIHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phục chế Công trình Văn hóa**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phục chế Công trình Văn hóa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 21 tháng 2 năm 2017, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cCho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

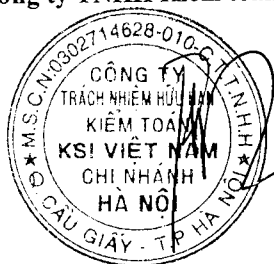
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phục chế Công trình Văn hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán KSi Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Trung Thành

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1312-2014-046-1

Đặng Thị Hương Lan

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2285-2016-046-1

Hà Nội, ngày 21 tháng 2 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		83.528.242.720	84.437.517.129
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.920.793.276	14.423.405.384
1. Tiền	111		4.920.793.276	14.423.405.384
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	9.150.000.000	4.200.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9.150.000.000	4.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		56.597.478.771	37.000.191.540
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	49.722.225.929	30.249.302.463
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	5.483.236.535	4.190.701.751
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	1.392.016.307	2.560.187.326
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	12.836.830.946	28.811.920.205
1. Hàng tồn kho	141		12.836.830.946	28.811.920.205
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.139.727	2.000.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	23.139.727	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	-	2.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.476.637.912	5.142.443.430
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
II. Tài sản cố định	220		890.321.271	1.009.561.086
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	890.321.271	1.009.561.086
- Nguyên giá	222		3.353.855.726	3.461.106.680
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.463.534.455)	(2.451.545.594)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		42.660.041.041	2.206.606.744
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		42.660.041.041	2.206.606.744
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.926.275.600	1.926.275.600
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	1.926.275.600	1.926.275.600
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		129.004.880.632	89.579.960.559

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		112.111.098.169	72.290.509.902
I. Nợ ngắn hạn	310		112.111.098.169	72.290.509.902
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	62.989.893.663	51.253.516.924
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	2.147.654.976	12.085.139.760
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	4.035.351.621	2.389.458.770
4. Phải trả người lao động	314		416.958.000	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	20.444.411	3.000.416.135
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	42.359.010.179	3.471.367.994
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		141.785.319	90.610.319
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		16.893.782.463	17.289.450.657
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	16.893.782.463	17.289.450.657
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12.101.250.000	12.101.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.101.250.000	12.101.250.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.003.761.364	2.003.761.364
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.878.233.052	1.813.697.468
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		910.538.047	1.370.741.825
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ trước	421a		-	725.385.985
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ này	421b		910.538.047	645.355.840
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		129.004.880.632	89.579.960.559

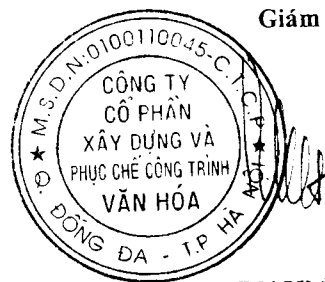
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Hà Nội, ngày 21 tháng 2 năm 2017

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Linh



Giám đốc

Bùi Khắc Mùi

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

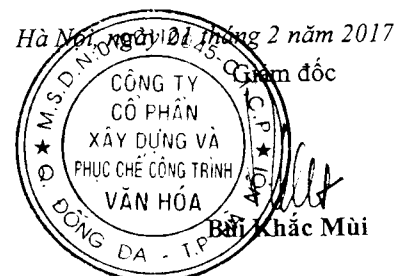
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	87.201.131.758	95.339.005.995
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	739.971.311	1.784.862.220
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		86.461.160.447	93.554.143.775
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	82.131.870.902	89.126.861.768
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.329.289.545	4.427.282.007
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	781.715.576	364.030.774
7. Chi phí tài chính	22	6.5	49.696.937	160.572.291
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		49.696.937	160.572.291
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.375.860.858	3.781.545.537
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		685.447.326	849.194.953
11. Thu nhập khác	31		22.000.000	-
12. Chi phí khác	32		4.013.914	12.264.223
13. Lợi nhuận khác	40		17.986.086	(12.264.223)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		703.433.412	836.930.730
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.6	140.951.606	191.574.890
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>562.481.806</u>	<u>645.355.840</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	465	957
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	6.7	-	-

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Linh



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(Theo phương pháp trực tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		65.011.227.344	77.096.756.157
1. thu khác				
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(61.836.719.435)	(72.287.169.246)
2. vụ				
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.722.873.888)	(3.220.095.761)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(49.696.937)	(140.127.880)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(150.000.000)	(1.149.958.134)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		40.779.183.620	5.757.479.683
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.866.265.077)	(534.838.410)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		36.164.855.627	5.522.046.409
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(41.134.361.873)	(154.149.000)
1. các tài sản dài hạn khác				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(21.310.945.700)	(4.200.000.000)
3. khác				
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		16.360.945.700	4.200.000.000
4. đơn vị khác				
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		416.894.138	368.777.575
7. chia				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(45.667.467.735)	214.628.575
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các đơn vị khác	31		-	8.417.950.284
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	2.200.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(1.983.370.720)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	8.634.579.564
Lưu chuyển tiền thuần trong Năm	50		(9.502.612.108)	14.371.254.548
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu Năm	60		14.423.405.384	52.150.836
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối Năm	70	5.	4.920.793.276	14.423.405.384

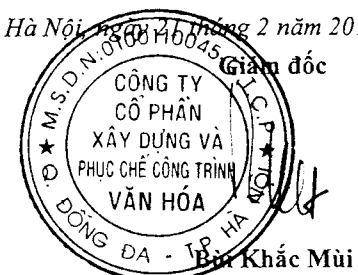
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Linh

Hà Nội, ngày 21 tháng 2 năm 2017



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phục chế Công trình Văn hóa là doanh nghiệp được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Xây dựng và Phục chế Công trình Văn hóa theo Quyết định số 748/QĐ-UB ngày 02/02/2005 của UBND Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103007842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 17/05/2005 và thay đổi lần 3 ngày 04/03/2016.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: 27 - Thái Thịnh - Đống Đa - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 12.101.250.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 12.101.250.000 đồng; tương đương 1.210.125 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh: Thiết kế, thi công xây lắp, trùng tu các công trình văn hóa

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với trình xây dựng, công trình văn hóa;
- Tư vấn về quản lý xây dựng dự án, đấu thầu, hợp đồng kinh tế, thi công trong lĩnh vực xây dựng và công trình văn hóa, lập dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng, mỹ thuật quảng cáo;
- Giám sát thi công công trình;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp (thuộc nhóm B và C); trùng tu phục chế công trình văn hóa, xây dựng công trình tượng đài, tranh hoành tráng, tranh nghệ thuật, tranh lịch sử;
- Xây dựng công trình hạ tầng, cấp thoát nước, giao thông đường bộ và trang trí nội, ngoại thất;
- Sản xuất, lắp đặt các kết cấu thép, nhà xưởng; Khảo sát thi công lập dự án đầu tư;
- Đầu tư kinh doanh nhà, văn phòng cho thuê, xuất nhập khẩu hàng thủ công mỹ nghệ, đào tạo ngành nghề truyền thống;
- Xúc tiến thương mại;
- Tu bổ, tôn tạo, phục chế công trình văn hóa, công trình kiến trúc, di tích lịch sử, di tích cách mạng;
- Thi công trưng bày nội, ngoại thất các công trình văn hóa, di tích lịch sử, di tích cách mạng;
- Thiết kế kiến trúc công trình./.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 - Trình bày báo cáo tài chính, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan.

Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP MỚI BAN HÀNH

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

4. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1 Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu*****Tài sản tài chính***

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối Năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền..

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối Năm.

4.6 Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

4.7 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng Năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong Năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong Năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong Năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong Năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

4.12 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được xác định theo khối lượng thực hiện đã được xác nhận của chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong Năm, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong kỳ và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

4.14 Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.15 Các khoản thuế

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang Năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực).

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong Năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Tiền mặt	32.027.861	1.827.685.591
Tiền gửi ngân hàng	4.888.765.415	12.595.719.793
	<u><u>4.920.793.276</u></u>	<u><u>14.423.405.384</u></u>

5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	9.150.000.000	9.150.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	9.150.000.000	9.150.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000
	<u><u>9.150.000.000</u></u>	<u><u>9.150.000.000</u></u>	<u><u>4.200.000.000</u></u>	<u><u>4.200.000.000</u></u>

(*) Chi tiết các khoản tiền gửi có kỳ hạn:

- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính
- + Hợp đồng số: 24.12.2015/BVB-CTVH, ngày 24/12/2015, kỳ hạn 6 tháng, số tiền gửi 1.000.000.000đ, lãi suất 5,7%/năm
- + Hợp đồng số: 0401.02/BVB-CTVH, ngày 04/1/2016, kỳ hạn 6 tháng, số tiền gửi 3.000.000.000đ, lãi suất 5,7%/năm
- + Hợp đồng số: 060416/BVB-CTVH, ngày 04/01/2016, kỳ hạn 6 tháng, số tiền gửi 150.000.000đ, lãi suất 5,8%/năm
- + Hợp đồng số: 060616/BVB-CTVH, ngày 06/06/2016, kỳ hạn 12 tháng, số tiền gửi 2.500.000.000đ, lãi suất 6,8%/năm
- + Hợp đồng số 011/041116/HNI/HĐTĐ ngày 04/11/2016, kỳ hạn 12 tháng, số tiền gửi 2.500.000.000 đ, lãi suất 6,8%/năm

5.3 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	49.722.225.929	30.249.302.463
- Ban đầu tư và XD hạ tầng kỹ thuật chung	11.287.310.300	4.774.342.714
- BQLDA Công trình xây dựng cơ bản Tỉnh Trà Vinh	4.672.461.000	4.672.461.000
- Sở Văn hóa thể thao và du lịch Tỉnh Bến Tre	22.584.478.400	11.797.305.300
- Sở Văn hóa thể thao và du lịch tỉnh Hải Dương	-	1.379.035.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	11.177.976.229	7.626.158.449
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
	<u><u>49.722.225.929</u></u>	<u><u>30.249.302.463</u></u>

5.4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	VND		VND	
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.483.236.535		4.190.701.751	
- Trịnh Văn Vụ	1.352.914.529		1.410.316.637	
- Đỗ Nguyên Bốn	2.047.277.390		2.355.260.857	
- Công ty CP Thương mại và tư vấn xây dựng điện Thăng Long	1.091.867.000			
- Các khoản trả trước cho người bán khác	991.177.616		425.124.257	
- Các khoản trả trước cho người bán là các bên liên quan	-			
b) Trả trước cho người bán dài hạn	-		-	
	5.483.236.535		4.190.701.751	

5.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.392.016.307	-	2.560.187.326	-
Tạm ứng	719.000.000	-	721.500.000	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	59.980.833	-
Phải thu về tiền cho các chủ nhiệm công trình vay	462.119.869	-	1.778.175.640	-
Phải thu khác	210.896.438	-	530.853	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
	1.392.016.307	-	2.560.187.326	-

5.6 HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	12.836.830.946	-	28.811.920.205	-
	12.836.830.946	-	28.811.920.205	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHỤC CHẾ CÔNG TRÌNH VĂN HÓA

27 - Thái Thịnh - Đống Đa - Hà Nội

Báo cáo tài chính

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

5.7 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.809.062.700	232.250.954	1.386.459.693	33.333.333	-	3.461.106.680
- Mua trong Năm	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(107.250.954)	-	-	-	(107.250.954)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối Năm	1.809.062.700	125.000.000	1.386.459.693	33.333.333	-	3.353.855.726
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.588.583.574	232.250.954	597.377.733	33.333.333	-	2.451.545.594
- Khấu hao trong kỳ	27.486.111	-	91.753.704	-	-	119.239.815
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(107.250.954)	-	-	-	(107.250.954)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối Năm	1.616.069.685	125.000.000	689.131.437	33.333.333	-	2.463.534.455
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	220.479.126	-	789.081.960	-	-	1.009.561.086
Tại ngày cuối Năm	192.993.015	-	697.328.256	-	-	890.321.271
<i>Trong đó:</i>						
- Giá trị còn lại cuối Năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:					1.958.189.155	VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối Năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
- Nguyên giá tài sản cố định cuối Năm chờ thanh lý:						
- Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:						
- Các thay đổi khác về tài sản cố định hữu hình:						

5.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Ngắn hạn	23.139.727	-
b) Dài hạn	1.926.275.600	1.926.275.600
Chi phí chờ phân bổ - Dự án Xây dựng 27 Thái Thịnh	1.809.163.245	1.809.163.245
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	117.112.355	117.112.355
	<u>1.949.415.327</u>	<u>1.926.275.600</u>

5.9 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	62.989.893.663	62.989.893.663	51.253.516.924	51.253.516.924
Công ty CP tư tạo và Phát triển Nhà số 26	1.342.142.000	1.342.142.000	-	-
Lại Ngọc Hương	13.320.364.307	13.320.364.307	3.998.902.576	3.998.902.576
Nguyễn Chính	11.585.784.893	11.585.784.893	9.598.810.132	9.598.810.132
Nguyễn Lương Dũng	5.481.674.107	5.481.674.107	2.907.432.859	2.907.432.859
Nguyễn Quang Huy	4.542.966.541	4.542.966.541	3.130.830.834	3.130.830.834
Nguyễn Văn Việt	713.576.764	713.576.764	611.886.714	611.886.714
Nguyễn Đức Tuyên	3.410.210.063	3.410.210.063	2.279.328.722	2.279.328.722
- Đỗ Anh Bảo				
Phạm Thị Cảnh	750.792.230	750.792.230	750.792.230	750.792.230
Thái Duy Biên	2.034.182.740	2.034.182.740	2.034.182.740	2.034.182.740
Trương Khắc Hiếu	4.036.694.756	4.036.694.756	6.072.402.146	6.072.402.146
Trần Mạnh Hào	2.461.585.874	2.461.585.874	4.589.953.114	4.589.953.114
Trần Tấn Triệu	1.480.906.858	1.480.906.858	1.680.906.858	1.680.906.858
Trần Văn Khanh	4.678.328.252	4.678.328.252	6.138.840.987	6.138.840.987
Đình Thị Hoa	3.122.104.477	3.122.104.477	3.531.260.025	3.531.260.025
Phải trả các đối tượng khác	4.028.579.801	4.028.579.801	3.927.986.987	3.927.986.987
b) Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
	<u>62.989.893.663</u>	<u>62.989.893.663</u>	<u>51.253.516.924</u>	<u>51.253.516.924</u>

5.10 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.147.654.976	12.085.139.760
- Ban Quản lý dự án huyện Gia Lâm	-	6.000.000.000
- Ban Quản lý Dự án huyện Sóc Sơn	-	3.460.945.100
- Ban QLDA ĐT-XD ngành VHTTDL tỉnh Kiên Giang	-	504.368.900
- Ban QLDA ĐT & XD các CTVH - Sở VHTTDLHN	218.486.267	
- BQL Di tích và Danh thắng Hà Nội	168.876.602	
- BQL dự án Đầu tư và phát triển Giao thông Đô thị Hà nội	140.744.523	

- BQLDA tu bổ , tôn tạo DTLS Đền thờ Hoàng Quốc công Đào Duy Từ, xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia	270.000.000		
- BQLDA Đầu tư và xây dựng huyện Hưng Nguyên	200.000.000		-
- Sở Văn hóa TT và DL Tiền Giang	1.100.438.000	322.062.500	
- Các khoản trả trước cho người bán khác	49.109.584	1.797.763.260	
b) Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	
	<u>2.147.654.976</u>	<u>12.085.139.760</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHỤC CHẾ CÔNG TRÌNH VẠN HÓA

27 - Thái Thịnh - Đống Đa - Hà Nội

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

5.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong Năm		Số đã thực nộp trong Năm		Số phải thu cuối Năm		Số phải nộp cuối Năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		2.082.433.483		9.405.874.446		7.762.469.611		-		3.725.838.318	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		144.008.214		146.943.392		150.000.000		-		140.951.606	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		163.017.073		7.044.624		1.500.000		-		168.561.697	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		36.320.252.287		36.320.252.287		-		-	
Các loại thuế khác	2.000.000		-		2.000.000		-		-		-	
	2.000.000		2.389.458.770		45.882.114.749		44.234.221.898		-		4.035.351.621	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	20.444.411	3.000.416.135
- Chi phí phải trả của CT NHNN&PTNT tỉnh Hòa Bình	-	150.934.067
- Chi phí phải trả của CT NHNN&PTNT tỉnh Thái Nguyên	-	-
- Chi phí phải trả của CT Đốc Phủ Đầu	-	182.977.492
- Chi phí phải trả của CT Nguyễn Khả Trạc	-	79.939.636
- Chi phí phải trả của CT Đình Tú Thị	-	1.786.120.469
- Chi phí phải trả của công trình Chùa Huyền Thuyên	-	60
- Chi phí phải trả của CT sửa chữa nhà viện sử học	-	-
- Chi phí phải trả của CT khu các làng dân tộc IV	-	-
- Chi phí phải trả của CT tu bổ tôn tạo di tích Phủ Đồng	-	-
- Chi phí phải trả của CT trường mầm non Hồng Kỳ	-	-
- Chi phí thuê đất tại 27 Thái Thịnh	-	780.000.000
- Chi phí lãi vay	20.444.411	20.444.411
- Tiền thù lao phải trả HĐQT, BKS 6 tháng đầu năm 2016	-	-
- Tiền ăn ca, phụ cấp, đồng phục 6 tháng đầu năm 2016	-	-
b) Dài hạn	-	-
	<u>20.444.411</u>	<u>3.000.416.135</u>

5.13 PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	42.359.010.179	3.471.367.994
- Kinh phí công đoàn	31.804.000	41.965.605
- Bảo hiểm xã hội	1.702.721	-
- Phải trả về cổ phần hoá	9.919.872	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	79.850.792
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	42.315.583.586	3.349.551.597
b) Dài hạn	-	-
	<u>42.359.010.179</u>	<u>3.471.367.994</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHỤC CHẾ CÔNG TRÌNH VĂN HÓA

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

27 - Thái Thịnh - Đống Đa - Hà Nội

5.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	4.045.000.000	-	1.466.703.526	4.195.325.405,00	9.707.028.931,00
Tăng trong Năm trước	8.056.250.000	2.003.761.364	-	-	10.060.011.364,00
Lãi/lỗ trong Năm trước	-	-	-	645.355.840,00	645.355.840,00
Phân phối lợi nhuận	-	-	346.993.942	3.469.939.420,00	3.122.945.478,00
Số dư cuối Năm trước	12.101.250.000	2.003.761.364	1.813.697.468	1.370.741.825,00	17.289.450.657,00
Số dư đầu kỳ này	12.101.250.000	2.003.761.364	1.813.697.468	1.370.741.825,00	17.289.450.657,00
Tăng trong Năm này	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong Năm này	-	-	-	562.481.806,00	562.481.806,00
Phân phối lợi nhuận	-	-	64.535.584	1.022.685.584,00	958.150.000,00
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối Năm này	12.101.250.000	2.003.761.364	1.878.233.052	910.538.047,00	16.893.782.463,00

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 24/06/2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	VND	VND
	PP lợi nhuận năm 2015	PP lợi nhuận năm 2014
Lợi nhuận thực hiện trong năm	562.481.806	645.355.840
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	1.370.741.825	4.195.325.405
Lợi nhuận đã phân phối trong năm	1.022.685.584	3.469.939.420
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	606.750.000	2.629.250.000
Chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	101.400.000	146.701.536
Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ DPTC	64.535.584	346.993.942
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	250.000.000	346.993.942
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối đến cuối năm	910.538.047	1.370.741.825

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHỤC CHẾ CÔNG TRÌNH VĂN HÓA

Báo cáo tài chính

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

27 - Thái Thịnh - Đống Đa - Hà Nội

5.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Số đầu kỳ VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Công ty mẹ	-	0,00%	-	0,00%
Vốn góp của các cổ đông khác	12.101.250.000	100,00%	12.101.250.000	100,00%
- Bà Vũ Thị Hậu	918.640.000	7,59%	918.640.000	7,59%
- Ông Ngô Hà Minh	858.840.000	7,10%	858.840.000	7,10%
- Bà Võ Thị Thu Giang	906.250.000	7,49%	906.250.000	7,49%
- Ông Lê Thanh	997.420.000	8,24%	997.420.000	8,24%
- Tổng C.ty Đầu tư và Phát triển Nhà HN	2.730.370.000	22,56%	2.730.370.000	22,56%
- Các cổ đông khác	5.689.730.000	47,02%	5.689.730.000	47,02%
	12.101.250.000	100%	12.101.250.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12.101.250.000	12.101.250.000
- Vốn góp đầu Năm	12.101.250.000	4.045.000.000
- Vốn góp tăng trong Năm	-	8.056.250.000
- Vốn góp giảm trong Năm	-	-
- Vốn góp cuối Năm	12.101.250.000	12.101.250.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.022.685.584	1.253.491.288
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận Năm trước	1.022.685.584	606.750.000
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	646.741.288

d) Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.210.125	1.210.125
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.210.125	1.210.125
- Cổ phiếu phổ thông	1.210.125	1.210.125
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.210.125	1.210.125
- Cổ phiếu phổ thông	1.210.125	1.210.125
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành được điều chỉnh từ 100.000 VND/CP xuống 10.000 VND/CP theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông bất thường lần thứ 1 ngày 28/09/2015

e) Các quỹ công ty

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.878.233.052	1.813.697.468
	1.878.233.052	1.813.697.468

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	974.800.456	807.313.638
Doanh thu hợp đồng xây dựng	86.226.331.302	94.531.692.357
	<u>87.201.131.758</u>	<u>95.339.005.995</u>

6.2 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giảm doanh thu xây lắp	739.971.311	1.784.862.220
	<u>739.971.311</u>	<u>1.784.862.220</u>

6.3 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	82.131.870.902	89.126.861.768
	<u>82.131.870.902</u>	<u>89.126.861.768</u>

6.4 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	781.715.576	364.030.774
	<u>781.715.576</u>	<u>364.030.774</u>

6.5 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	49.696.937	160.572.291
Chi phí tài chính khác	-	-
	<u>49.696.937</u>	<u>160.572.291</u>

6.6 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	703.433.412	836.930.730
Các khoản điều chỉnh tăng	1.324.618	33.864.223
- Chi phí không hợp lệ	1.324.618	12.264.223
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	-
- Thù lao HĐQT, BKS không tham gia điều hành	-	21.600.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	704.758.030	870.794.953
Thuế suất thuế TNDN	20,00%	22,00%
Thuế TNDN hoãn lại	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>140.951.606</u>	<u>191.574.890</u>

6.7 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	562.481.806	645.355.840
Các khoản điều chỉnh	-	(250.000.000)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	-	(250.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	562.481.806	395.355.840
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong Năm	1.210.125	413.186
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	<u>465</u>	<u>957</u>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

(*) Như đã thuyết minh tại mục 5.14, mệnh giá cổ phiếu được thay đổi từ 100.000 VND/ 1 CP xuống 10.000 VND/ 1 CP. Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng được trình bày lại theo sự thay đổi này.

6.8 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.516.552.454	18.798.727.216
Chi phí nhân công	26.298.971.769	25.991.223.993
Chi phí khấu hao tài sản cố định	119.239.815	131.649.006
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.743.497.459	7.021.431.601
Chi phí khác bằng tiền	100.543.445	1.000.324.447
	<u>52.778.804.942</u>	<u>52.943.356.263</u>

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.920.793.276	-	14.423.405.384	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	51.114.242.236	-	32.809.489.789	-
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	9.150.000.000	-	4.200.000.000	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
	65.185.035.512	-	51.432.895.173	-

	Giá trị số kế toán	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	105.348.903.842	54.724.884.918
Chi phí phải trả	20.444.411	3.000.416.135
	105.369.348.253	57.725.301.053

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.920.793.276	-	-	4.920.793.276
Phải thu khách hàng, phải thu khác	51.114.242.236	-	-	51.114.242.236
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	9.150.000.000	-	-	9.150.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
	65.185.035.512	-	-	65.185.035.512
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.423.405.384	-	-	14.423.405.384
Phải thu khách hàng, phải thu khác	32.809.489.789	-	-	32.809.489.789
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	4.200.000.000	-	-	4.200.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
	51.432.895.173	-	-	51.432.895.173

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	105.348.903.842	-	-	105.348.903.842
Chi phí phải trả	20.444.411	-	-	20.444.411
	<u>105.369.348.253</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>105.369.348.253</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	54.724.884.918	-	-	54.724.884.918
Chi phí phải trả	3.000.416.135	-	-	3.000.416.135
	<u>57.725.301.053</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>57.725.301.053</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

9. NỢ TIỀM TÀNG VÀ CÁC KHOẢN CAM KẾT

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày trong mục IV của Thuyết minh báo cáo tài chính, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty áp dụng Thông tư số 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 01 tháng 01 năm 2016 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về lập và trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại như sau:

	Số đầu năm (Phân loại lại)	Số đầu năm (Theo báo cáo trước đây)
	VND	VND
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	957	1.562

(Điều chỉnh về phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi theo biên bản họp Đại hội Cổ đông năm 2016)

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Linh

Hà Nội, ngày 21 tháng 2 năm 2017

Giám đốc



Bùi Khắc Mùi